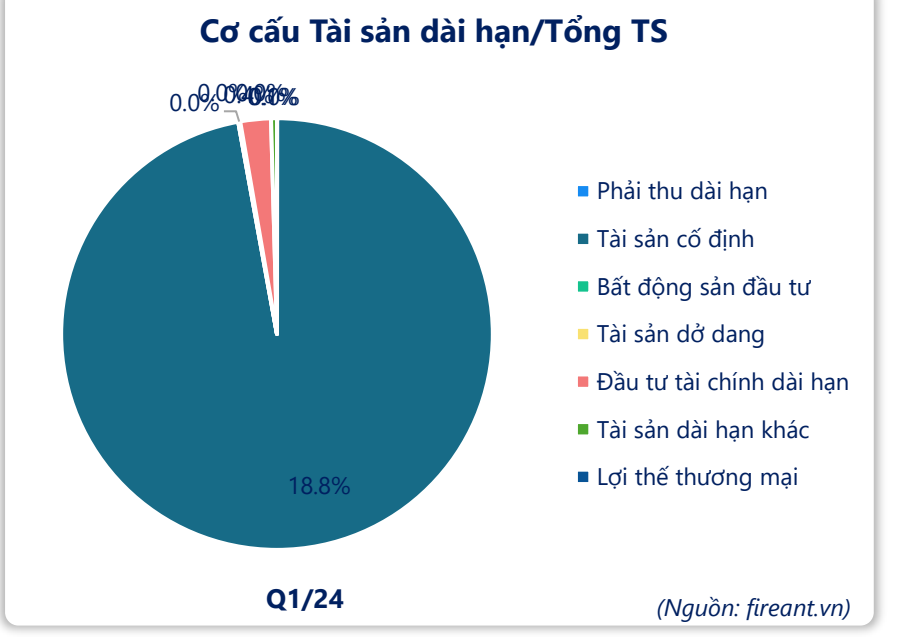
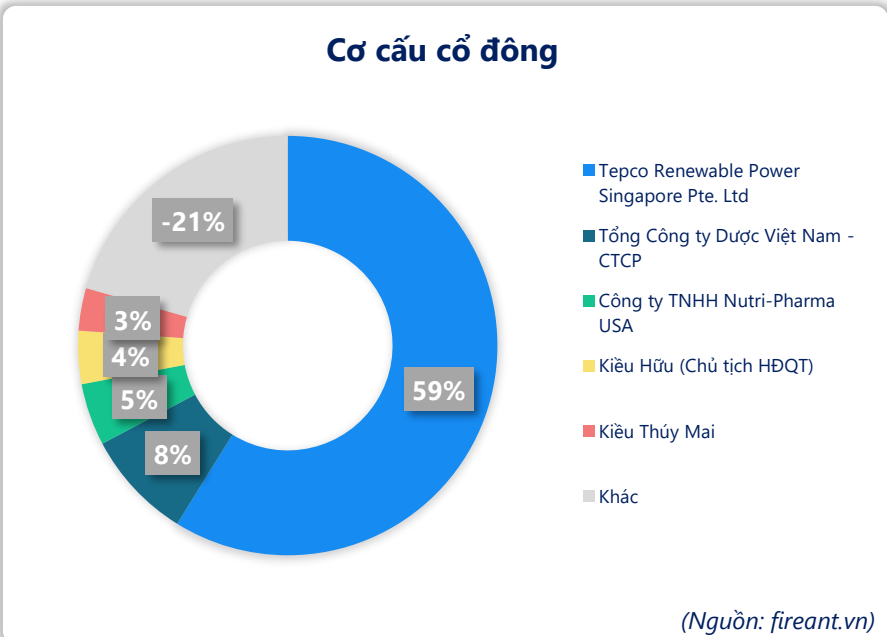
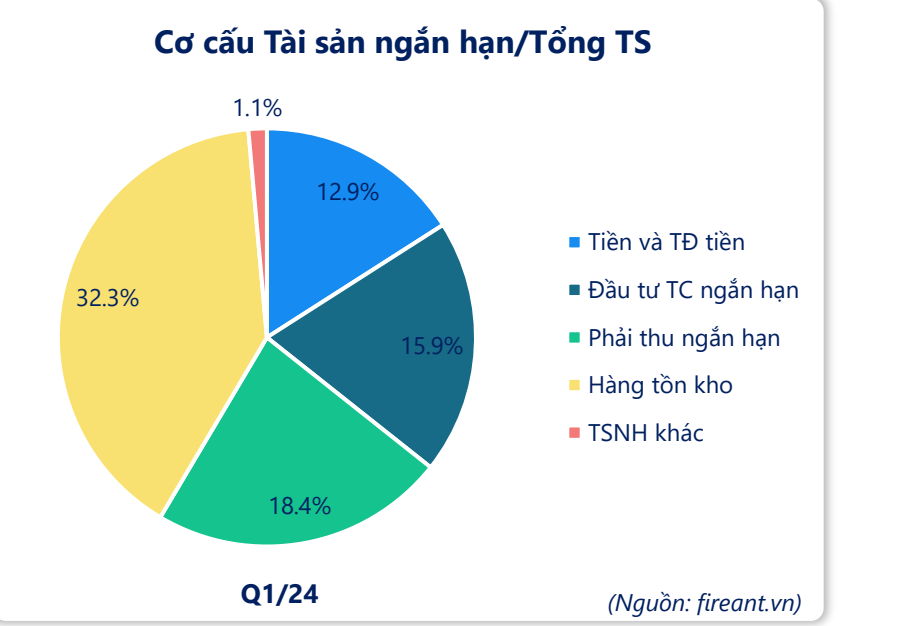
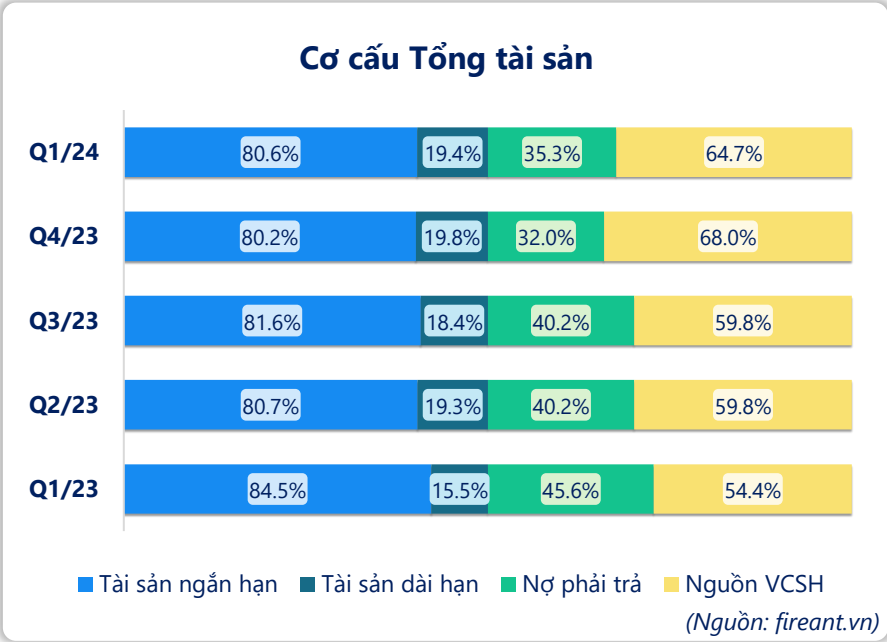
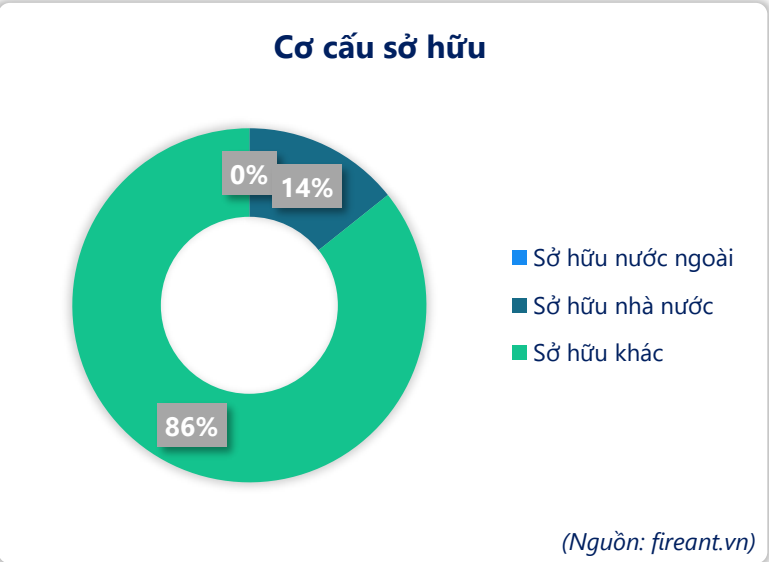
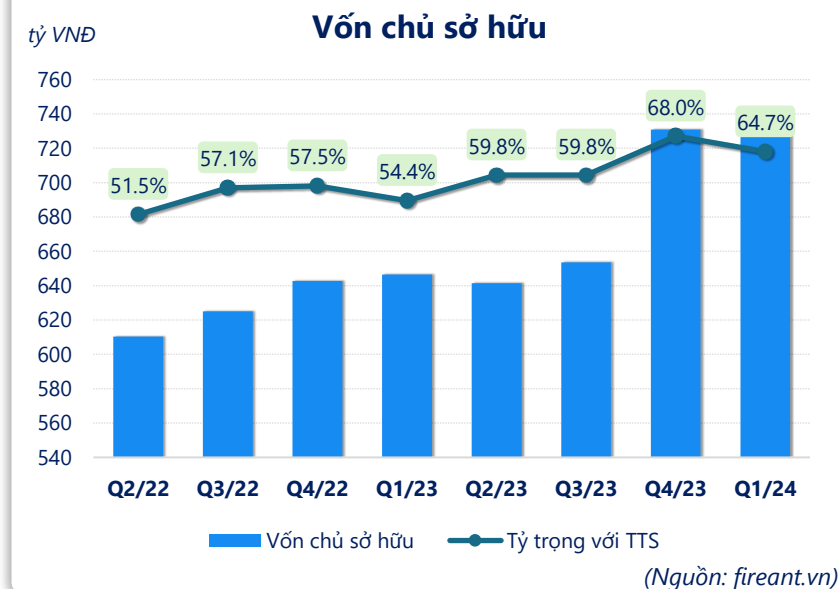
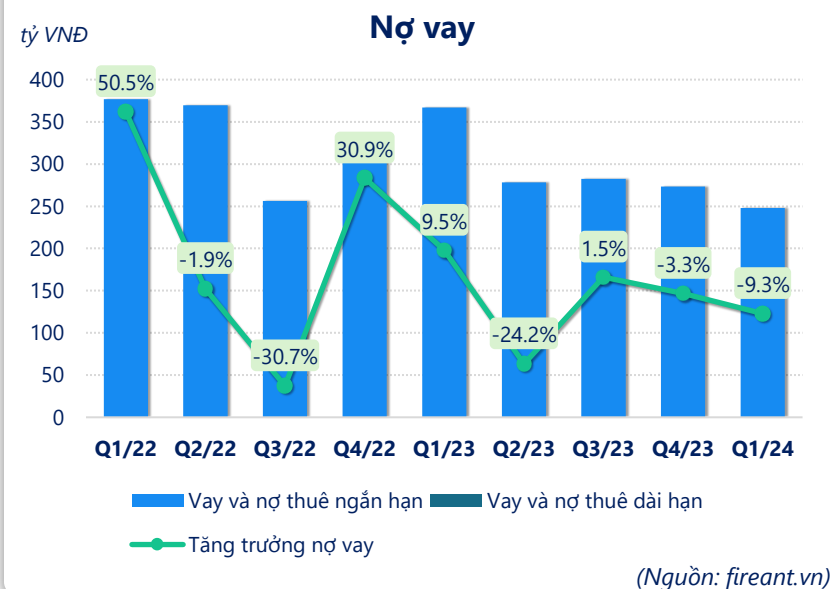
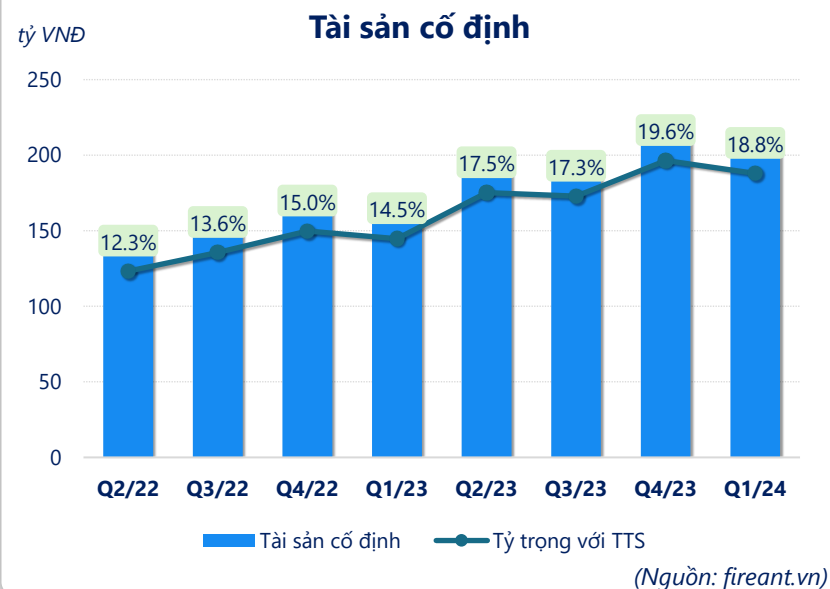
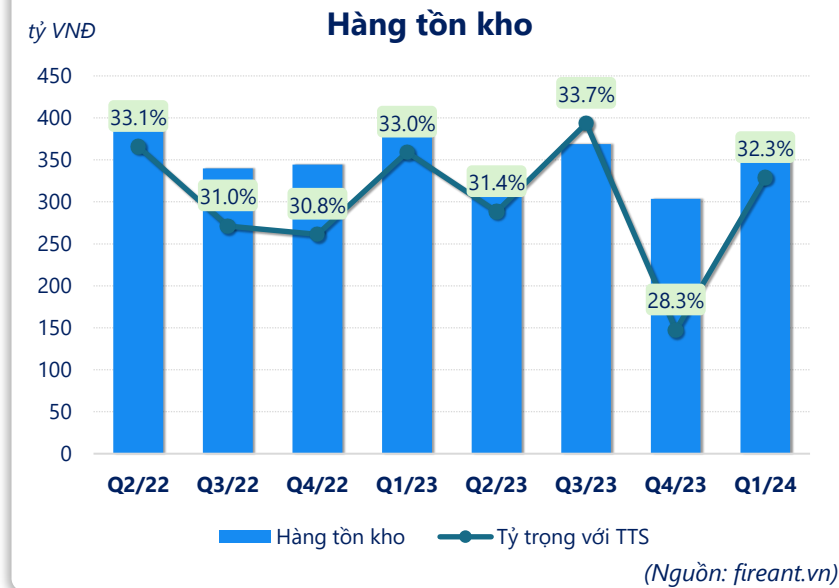
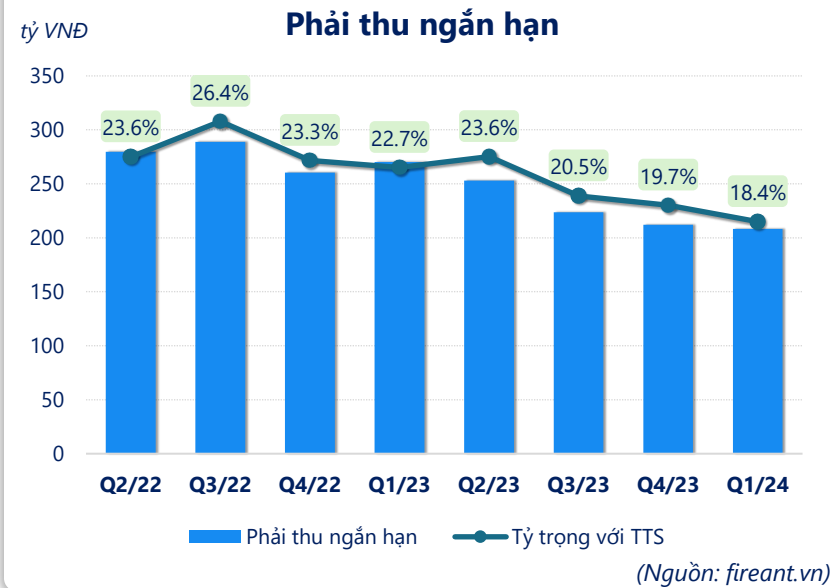
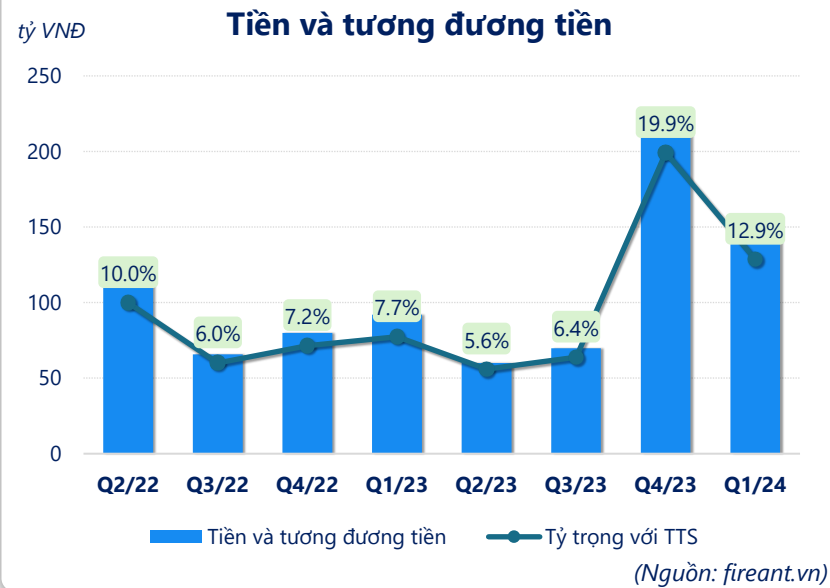
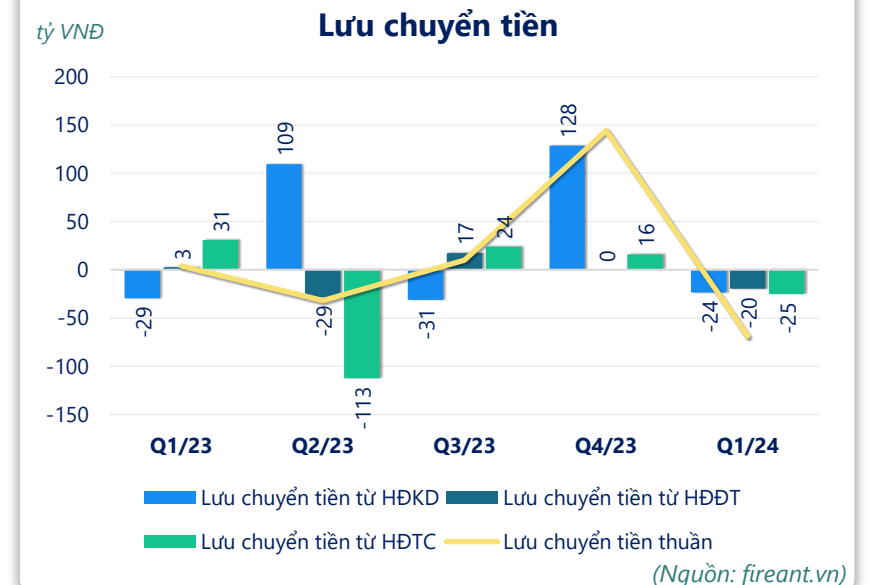
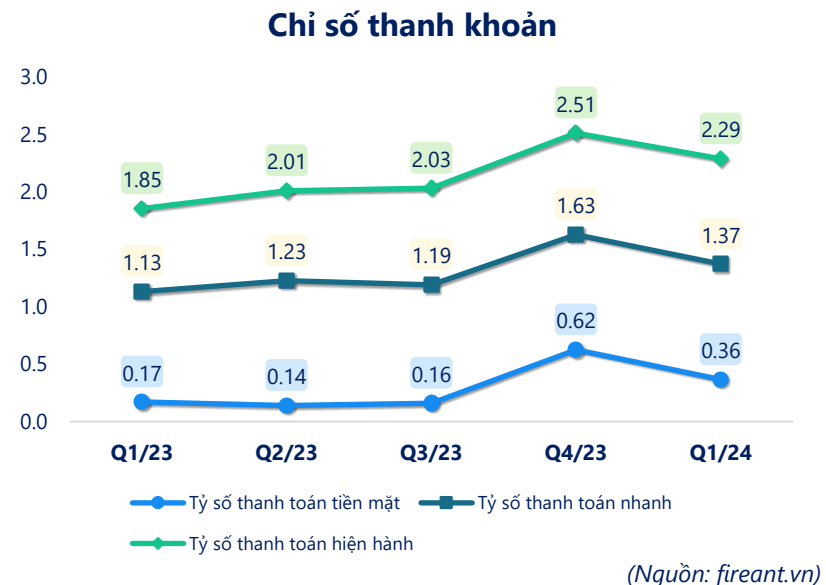
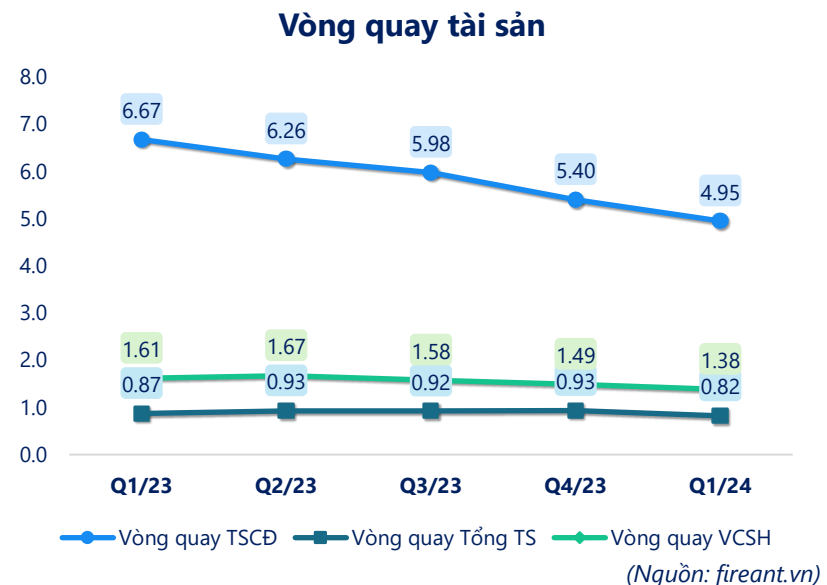
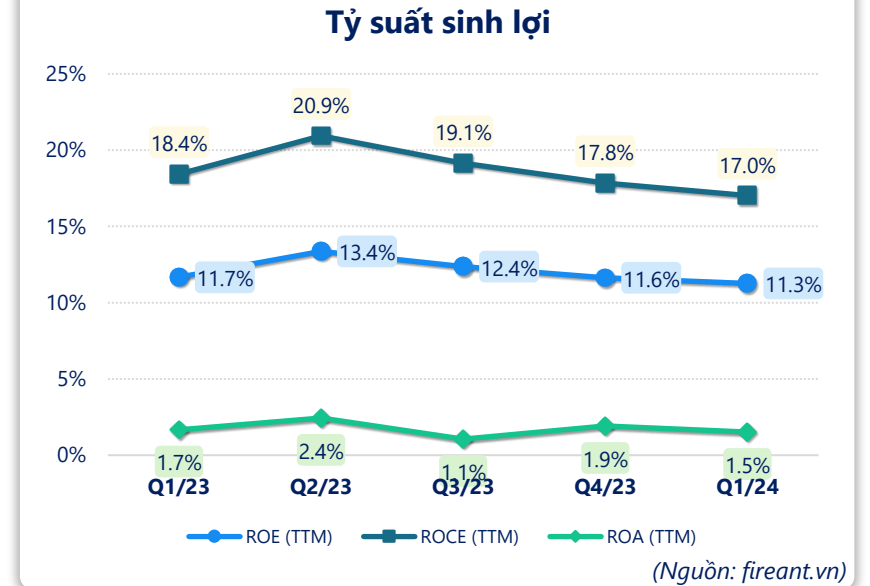
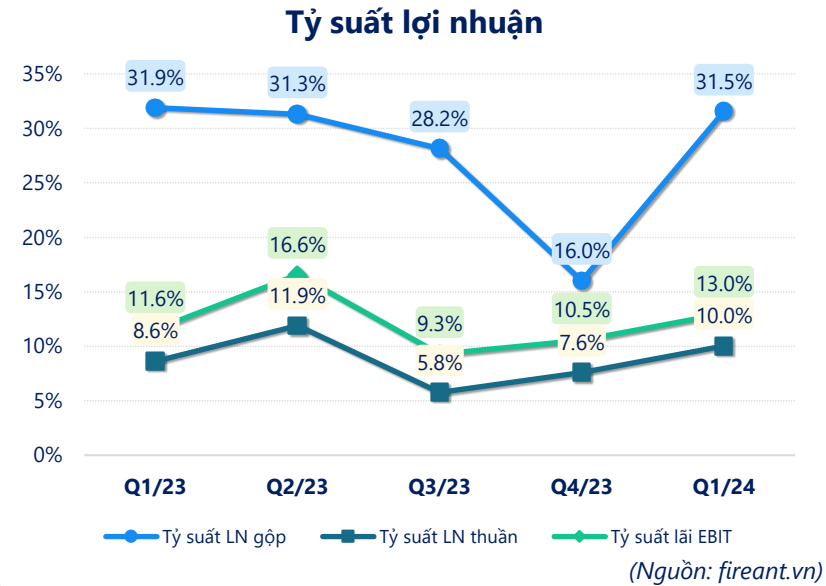
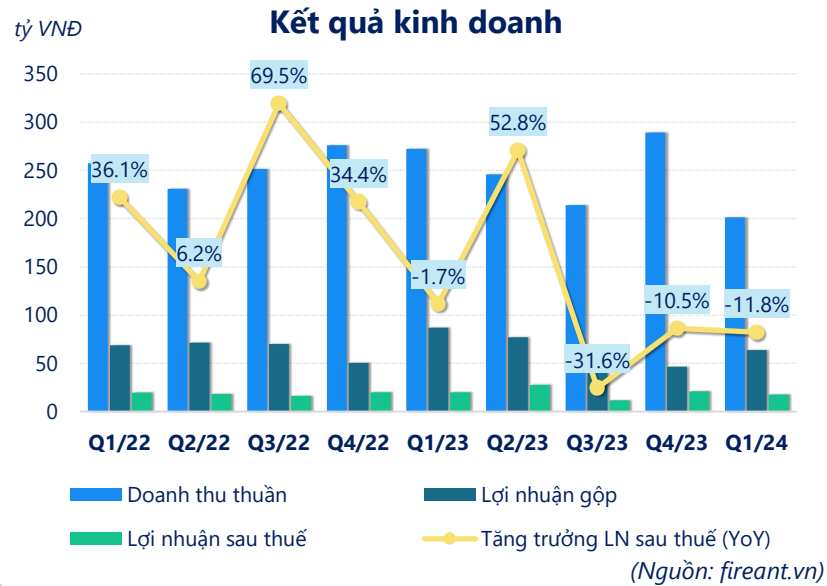


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		39,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,887
SL cổ phiếu LH		18,402,904
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		729
P/E		9.4
EPS		4,216

	YTD	1T	3T	6T
VDP	5.4%	0.2%	5.4%	12.8%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,130	1,093	3.4%
Tài sản ngắn hạn	911	875	4.2%
Tiền và tương đương tiền	145	214	-32.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	119	51.1%
Phải thu ngắn hạn	208	239	-12.7%
Hàng tồn kho	365	297	23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	6.68	94.0%
Tài sản dài hạn	219	218	0.1%
Phải thu dài hạn	0.04	1.04	-96.6%
Tài sản cố định	212	211	0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.32	0.20	59.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	5.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.97	1.21	-20.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	399	361	10.3%
Nợ ngắn hạn	399	361	10.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	248	273	-9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	90.7	28.0	224%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	731	732	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	731	732	-0.1%
Vốn điều lệ	184	184	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	272	246	214	289	201
Giá vốn hàng bán	185	169	154	243	138
Lợi nhuận gộp	86.8	76.9	60.2	46.3	63.6
Doanh thu HĐTC	1.95	3.77	2.20	8.79	2.33
Chi phí TC	6.58	9.14	5.32	6.20	4.27
Chi phí lãi vay	6.54	5.96	5.32	4.51	4.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	44.1	34.8	25.2	16.3	25.0
Chi phí QLDN	14.7	7.53	19.6	10.7	16.4
LN thuần từ HĐKD	23.5	29.2	12.3	22.0	20.2
Lợi nhuận khác	1.46	5.52	2.21	4.04	1.78
LN trước thuế	24.9	34.7	14.5	26.0	22.0
Lợi nhuận sau thuế	19.9	27.6	11.6	20.9	17.6
LNST của CĐ cty mẹ	19.9	27.6	11.6	20.9	17.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.5	109	-31.2	128	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.56	-28.6	17.1	0	-19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.7	-113	23.8	15.7	-25.4
Tiền đầu kỳ	88.1	91.9	60.1	69.8	214
Lưu chuyển tiền thuần	3.81	-31.9	9.73	144	-68.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	91.9	60.1	69.8	214	145

(Nguồn: fireant.vn)